TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 144/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2024
"V/v tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Minh Hoàng**
Ông Nguyễn Văn Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Quốc Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2024/TLST–HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Trịnh Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 25/7/2024.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Trịnh Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau năm 1999, tôi và Chị M có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/8/2012.

Trong thời gian chung sống vợ chồng, vợ chồng cự cãi, Chị M bỏ nhà đi từ đầu tháng đầu năm 2023 đến nay. Hiện nay tôi và Chị M đã ly thân, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với Chị M nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Chị M có 04 con chung, tên Trịnh Văn T, sinh năm 04/8/2020; Trịnh Như Q, sinh ngày 10/2/2003; Trịnh Như N, sinh ngày 16/7/2000; Trịnh Như Y, sinh ngày 10/9/2006. Hiện nay tôi đồng ý giao lại Trịnh Như Y, sinh ngày 10/9/2006 cho Chị M tiếp tục chăm sóc, tôi không cấp dưỡng nuôi con. Tôi yêu cầu nuôi Trịnh Văn T, sinh năm 04/8/2020, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với Trịnh Như Q, sinh ngày 10/2/2003; Trịnh Như Ng, sinh ngày 16/7/2000 hiện nay đã khôn lớn không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Chị Nguyễn Thị M Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Chị Nguyễn Thị M tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Chị Nguyễn Thị M vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh Trịnh Văn H đối với Chị Nguyễn Thị M. Về con chung: Giao Trịnh Văn T, sinh năm 04/8/2020 lại cho anh Hiếu chăm sóc và giáo dục, giao lại em Trịnh Như Y, sinh ngày 10/9/2006 cho Chị M chăm sóc và giáo dục, hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Hiếu phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trịnh Văn H yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị M, Chị M đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trịnh Văn H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chị Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Trịnh Văn H yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, được Uỷ ban nhân dân An Trạch, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/8/2012 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập Chị M tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng Chị M vắng mặt không có lý do thể hiện Chị M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh ngày 25 tháng 7 năm 2024, ông Nguyễn Văn Cấu là trưởng ấp, Ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định trong thời gian chung sống, Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M chung sống có đăng ký kết hôn, có 04 con chung hiện nay 02 cháu đã lớn tự lo cuộc sống của bản thân; Chị M đang chăm sóc Trịnh Như Yến, sinh ngày 10/9/2006 và cháu Trịnh Văn Thuận, sinh năm 04/8/2020 đang được anh Hiểu chăm sóc. Các bên chăm sóc rất tốt, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn Anh Trịnh Văn H đối với Chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M có 04 con chung, tên Trịnh Văn Thuận, sinh năm 04/8/2020; Trịnh Như Quyền, sinh ngày 10/2/2003; Trịnh Như Nguyên, sinh ngày 16/7/2000; Trịnh Như Yến, sinh ngày 10/9/2006. Từ khi Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M ly thân đến nay thì Trịnh Văn Thuận, sinh năm 04/8/2020 do anh Hiếu chăm sóc và giáo dục rất tốt và Trịnh Như Yến, sinh ngày 10/9/2006 được Chị M chăm sóc và giáo dục, hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Để ổn định cuộc sống của các em nên tiếp tục Giao Trịnh Văn Thuận, sinh năm 04/8/2020 lại cho anh Hiếu chăm sóc và giáo dục, giao lại em Trịnh Như Yến, sinh ngày 10/9/2006 cho Chị M chăm sóc và giáo dục là phù hợp. Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với Trịnh Như Quyền, sinh ngày 10/2/2003; Trịnh Như Nguyên, sinh ngày 16/7/2000 đã khôn lớn tự lo cuộc sống của bản thân nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Anh Trịnh Văn H yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị M nên chị Anh Trịnh Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; 54; Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Trịnh Văn H được ly hôn với Chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao em Trịnh Văn T, sinh năm 04/8/2020 lại cho anh Hiếu chăm sóc và giáo dục, giao lại em Trịnh Như Y, sinh ngày 10/9/2006 cho Chị M chăm sóc và giáo dục, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Đối với Trịnh Như Q, sinh ngày 10/2/2003; Trịnh Như N, sinh ngày 16/7/2000 đã khôn lớn tự lo cuộc sống của bản thân nên không đặt ra xem xét.

Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Anh Trịnh Văn H phải chịu. Anh Trịnh Văn H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 00103265 ngày 03/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Anh Trịnh Văn H và Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Kiều Diễm